

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
376 ĐIỆN BIÊN PHỦ – Q.10 – TP.HCM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
6 tháng đầu năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		174,343,746,053	128,475,760,675
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14,103,398,834	34,909,419,022
1. Tiền	111	V.1	13,103,398,834	7,734,765,022
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,000,000,000	27,174,654,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3,049,460,000	2,320,460,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5,561,060,000	4,832,060,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(2,511,600,000)	(2,511,600,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		99,229,576,362	49,296,789,867
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	40,929,671,487	20,586,558,712
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	2,979,166,779	4,045,641,722
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	58,565,738,096	27,909,589,433
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(3,245,000,000)	(3,245,000,000)
IV. Hàng tồn kho	140		53,571,071,853	39,345,113,140
1. Hàng tồn kho	141	V.8	55,970,639,684	41,744,680,971
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(2,399,567,831)	(2,399,567,831)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4,390,239,004	2,603,978,646
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	95,217,227	43,967,595
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,498,059,769	2,070,911,051
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		429,725,008	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	367,237,000	489,100,000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133,875,695,182	140,377,422,485
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

II. Tài sản cố định	220		28,963,334,875	29,414,444,238
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	10,539,943,067	11,052,865,265
<i>Nguyên giá</i>	222		19,208,905,378	19,510,889,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8,668,962,311)	(8,458,023,735)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	18,268,379,189	13,925,252,609
<i>Nguyên giá</i>	228		18,912,163,156	14,389,663,156
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(643,783,967)	(464,410,547)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	155,012,619	4,436,326,364
III. Bất động sản đầu tư	240		13,052,760,255	13,189,449,159
<i>Nguyên giá</i>	241	V.15	13,668,890,643	13,668,890,643
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(616,130,388)	(479,441,484)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		91,489,839,225	96,773,015,448
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	4,665,323,777	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	58,715,056,000	68,663,556,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	29,549,459,448	29,549,459,448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(1,440,000,000)	(1,440,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		369,760,827	1,000,513,640
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	369,760,827	1,000,513,640
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		308,219,441,235	268,853,183,160

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		92,036,787,594	68,030,952,544
I. Nợ ngắn hạn	310		91,939,883,808	67,934,048,758
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	43,858,822,700	10,046,495,436
2. Phải trả người bán	312	V.22	13,142,755,559	15,987,045,677
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	45,378,023	34,737,130
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	1,548,741,869	1,692,762,173
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	33,536,303,485	35,648,253,327
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	(192,117,828)	4,524,755,015

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

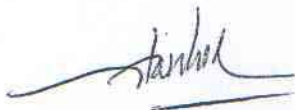
II. Nợ dài hạn	330	96,903,786	96,903,786
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.27 96,903,786	96,903,786
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	216,182,653,641	200,822,230,616
I. Vốn chủ sở hữu	410	216,182,653,641	200,822,230,616
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28 95,699,000,000	95,699,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.28 90,216,000,652	90,216,000,652
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.28 9,206,202,021	9,206,202,021
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28 21,061,450,968	5,701,027,943
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	-	-
2. Nguồn kinh phí	432	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	308,219,441,235	268,853,183,160

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc






Hà Hạnh Hoa

Phạm Thúy Oanh

Huỳnh Thị Dung

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	Cùng kỳ năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	166,169,075,102	129,615,789,024
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		557,298,723	778,773,703
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		165,611,776,379 /	128,837,015,321 /
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	161,463,504,459 /	117,960,684,936 /
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4,148,271,920	10,876,330,385
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	22,063,991,732 /	8,070,407,795 /
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12,595,782,686 /	506,375,663 /
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,227,801,803	49,869,531
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	5,927,314,586 /	4,883,364,368 /
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4,431,574,397 /	4,411,553,451 /
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3,257,591,983	9,145,444,698
11. Thu nhập khác	31	VI.7	20,411,860,923 /	2,494,511,997 /
12. Chi phí khác	32	VI.8	157,126,373 /	10,017,433 /
13. Lợi nhuận khác	40		20,254,734,550	2,484,494,564
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		23,512,326,533	11,629,939,262
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3,366,953,508	1,464,444,853
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		20,145,373,025 /	10,165,494,409
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2,105	1,062

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2010

Tổng giám đốc



Hà Hạnh Hoa



Phạm Thúy Oanh



Huỳnh Thị Dung

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		180,184,994,787
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(210,525,333,240)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9,621,039,799)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1,227,996,432)
6. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3,462,654,673)
7. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22,360,673,752
8. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7,540,738,924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(29,832,094,529)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(608,243,286)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,201,750,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		500,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		406,867,933
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(903,125,353)

CHỈ TIÊU

Mã Thuyết
số minh _____ Kỳ này

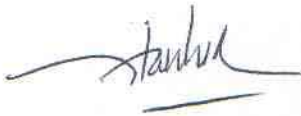
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		86,587,552,160
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(53,937,319,466)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22,721,033,000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>9,929,199,694</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(20,806,020,188)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	34,909,419,022
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u><u>14,103,398,834</u></u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Hà Hạnh Hoa



Phạm Thúy Oanh



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2010

I. I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; thiết lập mạng lưới thiết bị internet, cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng và kinh doanh dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; sản xuất và lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh); kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường thủy và taxi; cho thuê nhà xưởng, kho bãi; đại lý ký gửi hàng hóa; tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Kỳ kế toán**
Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- 2. Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo Biên bản thỏa thuận, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-6

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản quyền

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền vào sử dụng và được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ...

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc

Báo cáo tài chính giữa niên độ chưa đánh giá lại các cổ phiếu theo giá trị thị trường tại ngày 30 tháng 06 năm 2010.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thiết kế các quầy kệ bán hàng tại khu vực sân bay

Khoản chi phí làm các quầy kệ tại khu vực sân bay, chi phí này được phân bổ trong thời gian 56 tháng.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả phát sinh trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là đảm bảo số dư tối đa bằng 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc để đảm bảo chi trả cho các nhân viên trong thời gian làm việc tại Công ty đến 31/12/2008. Trong trường hợp Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ): được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo quyết định của Hội đồng quản trị.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	266,000,630	295,269,230
Tiền gửi ngân hàng	12,837,398,204	7,439,495,792
Các khoản tương đương tiền	1,000,000,000	27,174,654,000
Cộng	14,103,398,834	34,909,419,022

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	5,561,060,000	4,832,060,000

	Số lượng CP	Mệnh giá	Tổng giá trị đầu tư
Cty ĐTPT và KCN Sông Đà (SJS)	15,000	10,000	1,872,000,000
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	6	10,000	60,000
Cty CP Dầu Tường An (TAC)	6,000	10,000	828,000,000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	70,000	10,000	1,881,000,000
Cty CP CK Đại Việt	20,000	10,000	980,000,000
Cộng			5,561,060,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(2,511,600,000)	(2,511,600,000)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>40,546,963,731</i>	<i>20,014,694,549</i>
Cty TNHH Lê Phụng	376,235,283	1,123,425,343
Cty TNHH DV Tin Học Ngọc Hà	9,762,355,677	667,096,245
Công ty TNHH TM Nguyễn Khang	9,345,823,807	7,408,237,850
Cty TNHH Khu Mua Sắm Đệ Nhất Phan Khang	2,413,881,774	133,513,811
Cty TNHH DV Thịnh Tiến	7,449,351,536	4,270,373,091
Cty TNHH Phụng Vi	8,866,513,375	1,569,967,909
Thales Communications	524,660,624	790,298,538
Các khách hàng khác	1,808,141,655	4,051,781,762
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc</i>	<i>6,456,000</i>	<i>4,185,000</i>
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>222,609,932</i>	<i>367,246,182</i>
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Cần Thơ</i>	<i>153,641,824</i>	<i>200,432,981</i>
Cộng	40,929,671,487	20,586,558,712

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>2,803,666,779</i>	<i>4,045,641,722</i>
Công ty TNHH Vĩnh Định	16,236,900	38,280,900
Cty TNHH Applied Technology Precision	123,132,141	160,318,191
Velk Trading Corporation	376,238,000	395,073,628
Moldie Industrial Limited	1,157,590,028	596,715,420
Trả trước cho người bán khác	1,130,469,710	2,855,253,583
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc</i>	<i>175,500,000</i>	-
Cộng	2,979,166,779	4,045,641,722

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức và lợi nhuận được chia	32,000,000,000	22,000,000,000
Dự án Hand Power Tools	170,114,467	1,981,666,853
Dự án cao ốc 376 Điện Biên Phủ	16,922,921,744	-
Tài khoản Công ty CK Ngân hàng Đông Á	56,833,200	303,699,720
Thù lao của HDQT	357,150,582	-
Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.)(*)	3,210,000,000	3,210,000,000
Khoản vốn góp của TIE vào dự án cao ốc 376 ĐBP	5,510,000,000	-
Các khoản phải thu khác	338,718,103	414,222,860
Cộng	58,565,738,096	27,909,589,433

(*) Khoản phải thu Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng do khó có khả năng thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyên Vũ	(35,000,000)	(35,000,000)
Khoản phải thu Cty CP thẻ hệ mới NGT	(3,210,000,000)	(3,210,000,000)
Cộng	(3,245,000,000)	(3,245,000,000)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	229,965,450	-
Nguyên liệu, vật liệu	160,629,265	155,213,099
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47,199,037	48,370,209
Thành phẩm	137,937,759	165,469,217
Hàng hóa	55,394,908,173	41,375,628,446
Cộng	55,970,639,684	41,744,680,971

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa	(2,399,567,831)	(2,399,567,831)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
<i>Văn phòng Công ty</i>	11,191,077	144,797,733	82,607,671	73,381,139
Chi phí trả trước	11,191,077	7,343,188	17,153,126	1,381,139
Chi phí thuê kho, nhà tại Chi nhánh		137,454,545	65,454,545	72,000,000
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc</i>	32,776,518	31,204,933	42,145,363	21,836,088
Cộng	43,967,595	176,002,666	124,753,034	95,217,227

11. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	102,237,000	224,100,000
<i>Văn phòng Công ty</i>	102,237,000	108,600,000
<i>Chi nhánh Phú Quốc</i>	-	115,500,000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	265,000,000	265,000,000
Cộng	367,237,000	489,100,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
1. Số đầu năm	14,031,818,843	1,636,291,433	3,183,448,620	659,330,104	19,510,889,000
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	115,027,196	115,027,196
<i>Trong đó</i>	-	-	-	-	-
<i>Mua mới</i>	-	-	-	115,027,196	115,027,196
3. Giảm trong kỳ	-	-	417,010,818	-	417,010,818
<i>Trong đó</i>	-	-	-	-	-
<i>Nhượng bán</i>	-	-	417,010,818	-	417,010,818
4. Số cuối kỳ	14,031,818,843	1,636,291,433	2,766,437,802	774,357,300	19,208,905,378
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	812,280,210	1,553,840,341	166,000,000	153,725,037	2,685,845,588

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.685.845.588 đồng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	5,211,193,720	1,583,813,535	1,257,449,337	405,567,143	8,458,023,735
Tăng trong kỳ	275,518,063	7,582,776	136,972,076	69,741,652	489,814,567
Giảm trong kỳ	-	-	(278,875,991)	-	(278,875,991)
Số cuối kỳ	5,486,711,783	1,591,396,311	1,115,545,422	475,308,795	8,668,962,311

Giá trị còn lại

Số đầu năm	8,820,625,123	52,477,898	1,925,999,283	253,762,961	11,052,865,265
Số cuối kỳ	8,545,107,060	44,895,122	1,650,892,380	299,048,505	10,539,943,067

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	858,492,840	13,531,170,316	14,389,663,156
Tăng trong kỳ	-	4,522,500,000	4,522,500,000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	858,492,840	18,053,670,316	18,912,163,156
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	214,254,454	250,156,093	464,410,547
Tăng trong kỳ	42,924,642	136,448,778	179,373,420
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	257,179,096	386,604,871	643,783,967

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giá trị còn lại

Số đầu năm	644,238,386	13,281,014,223	13,925,252,609
Số cuối kỳ	601,313,744	17,667,065,445	18,268,379,189

Quyền sử dụng thửa đất ở xã Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích 38.887,9 m². Thời gian sử dụng đất đến ngày 14 tháng 08 năm 2058

Quyền sử dụng thửa đất ở đường Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với diện tích 173,3 m².

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	K/chuyển vào TSCĐ trong kỳ	K/chuyển giảm khác trong kỳ	Số cuối kỳ
XDCB dở dang					
- Dự án 376 ĐBP	436,326,364	-	-	(387,959,000)	48,367,364
- Văn phòng 52 Thành Thái	-	106,645,255	-	-	106,645,255
Mua sắm TSCĐ					
- Văn phòng tại Phú Quốc	4,000,000,000	522,500,000	(4,522,500,000)	-	-
Cộng	4,436,326,364	629,145,255	(4,522,500,000)	(387,959,000)	155,012,619

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khu đất Phú Quốc	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	13,668,890,643		13,668,890,643
Giá trị hao mòn	479,441,484	136,688,904	616,130,388
Giá trị còn lại	13,189,449,159	-	13,052,760,255

Quyền sử dụng thửa đất đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.

16. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Số vốn góp đến cuối kỳ
Cty TNHH Dụng cụ Điện Việt Nam (PTV)	49%	49%	4,665,323,777

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (cuối kỳ)	Số cuối kỳ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (đầu năm)	Số đầu năm
- Công ty Điện tử Samsung Vina	20%	53,665,056,000	20%	53,665,056,000
- Công ty Cổ phần Sài Gòn Sân Bay	11%	5,050,000,000	33%	14,998,500,000
Cộng		58,715,056,000		68,663,556,000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Góp vốn liên doanh vào Công ty Điện tử Samsung Vina bằng quyền sử dụng 58.200 m2 đất tại xã Linh Trung, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị tương đương 3,492,000 USD hay 53.665.056.000 đồng (chiếm 20% vốn pháp định) trong vòng 20 năm kể từ năm 1995.

Trong kỳ, TIE đã bán 985.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sài Sơn Sơn Bay với giá 11.900 đồng/cổ phiếu.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu		
- Saigon Postel (SPT)	8,674,710,000	8,674,710,000
- Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	603,120,000	603,120,000
- Ngân hàng Eximbank	12,946,629,448	12,946,629,448
- Cty Cp vận hóa Tân Bình	2,325,000,000	2,325,000,000
- Cty BDS Rován	5,000,000,000	5,000,000,000
Cộng	29,549,459,448	29,549,459,448

Chi tiết:

Tên công ty	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Mệnh giá	Tổng giá trị theo mệnh giá	Giá trị đầu tư
Saigon Postel (SPT)	954,218	2.041%	10,000	9,542,180,000	8,674,710,000
Cty CP VC Saigon Tourist	58,212	0.730%	10,000	582,120,000	603,120,000
Ngân hàng Eximbank	822,741	0.093%	10,000	8,227,410,000	12,946,629,448
Cty Cp vận hóa Tân Bình	40,875	0.760%	10,000	408,750,000	2,325,000,000
Cty CP BDS Rován	500,000	4.000%	10,000	5,000,000,000	5,000,000,000
Cộng				23,760,460,000	29,549,459,448

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(1,440,000,000)	(1,440,000,000)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphí SX trong kỳ	Số cuối kỳ
Văn phòng Công ty	832,456,322	75,312,613	590,866,703	316,902,232
Cửa hàng miễn thuế Nasco	133,196,880	-	66,598,440	66,598,440
Thuê nhà, thuê kho tại các chi nhánh	374,107,200	-	285,830,400	88,276,800
Bảo hiểm cháy nổ	7,524,004	28,330,909	14,606,731	21,248,182
Chi phí bảo trì phần mềm Lemon3	47,536,000	-	35,652,000	11,884,000
Chi phí cải tạo VP 376, 912 ĐBP	167,933,377	-	86,021,094	81,912,283
Chi phí in lịch	28,700,000	-	14,350,001	14,349,999
Chi phí đồng phục	51,643,686	-	51,643,686	-
Chi phí dịch vụ pháp lý	10,227,272	-	10,227,272	-
Chi phí phần mềm virus Kaspersky	-	32,510,464	1,354,603	31,155,861

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphi SX trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí phân bổ CCDC dài hạn	11,587,903	14,471,240	24,582,476	1,476,667
<i>Chi nhánh Cần Thơ</i>	<i>58,467,542</i>		<i>27,127,877</i>	<i>31,339,665</i>
<i>Chi nhánh Phú Quốc</i>	<i>109,589,776</i>	<i>310,802,818</i>	<i>398,873,664</i>	<i>21,518,930</i>
Cộng	1,000,513,640	386,115,431	1,016,868,244	369,760,827

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	43,858,822,700	10,046,495,436

Công ty vay ngắn hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2010 thông qua hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 10.773001/HĐTDHM ngày 02 tháng 01 năm 2010. Hai bên thỏa thuận nội dung cho vay không có đảm bảo bằng tài sản là 70 tỷ VNĐ (bao gồm cả VNĐ và ngoại tệ quy đổi)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn - VND		86,587,552,160		(42,728,729,460)	43,858,822,700
Vay ngắn hạn - USD	10,046,495,436		1,162,094,570	(11,208,590,006)	-
Cộng	10,046,495,436	86,587,552,160	1,162,094,570	(53,937,319,466)	43,858,822,700

22. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Điện tử Samsung Vina	12,719,025,847	15,542,538,272
Cty Young In Electronic	389,427,946	389,427,946
Phải trả các nhà cung cấp khác	25,619,766	51,740,459
Chi nhánh Phú Quốc	8,682,000	3,339,000
Cộng	13,142,755,559	15,987,045,677

23. Người mua trả tiền trước

	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	45,378,023	34,737,130
Cộng	45,378,023	34,737,130

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

87

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	49,985,286	267,476,132	262,933,218	54,528,200
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1,464,141,602	1,434,214,088	29,927,514
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	157,615,384	156,648,314	967,070
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,579,613,751	3,366,953,508	3,528,358,111	1,418,209,148
- Thuế thu nhập cá nhân	63,163,136	291,858,986	309,912,185	45,109,937
- Thuế nhà đất	-	-	-	-
- Tiền thuê đất	-	429,724,992	859,450,000	(429,725,008)
- Các loại thuế khác	-	4,000,000	4,000,000	-
- Các khoản phí, lệ phí khác	-	22,500,000	22,500,000	-
Cộng	1,692,762,173	6,004,270,604	6,578,015,916	1,119,016,861

Thuế giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế: phương pháp khấu trừ thuế. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cụ thể như sau:

- Doanh thu bán hàng trong nước
 - + Mãn hình vi tính, tiền bảo hành, Máy tính tiền, Máy chiếu .. 10%
- Doanh thu xuất khẩu 0%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Năm 2010 là năm kinh doanh thứ 7 và có lợi nhuận kể từ khi Công ty chuyển sang hình thức doanh nghiệp cổ phần.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23,512,326,533	573,349,894
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(10,044,512,500)	(200,000,000)
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập	10,044,512,500	200,000,000
Tổng thu nhập chịu thuế	13,467,814,033	373,349,894
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	3,366,953,508	93,337,474
Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết CP số 30/2008	-	28,001,242
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3,366,953,508	65,336,232

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	10,889,425	3,534,792
Kinh phí công đoàn	44,086,055	43,952,372
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	13,365,465,000	31,266,678,000
Thủ lao của Hội đồng quản trị	-	242,499,417
Đối tác ATP	754,451,559	3,651,530,000
Cty CP Bất động sản EXIM	13,490,000,000	-
Cty CP TIE _ Vốn góp vào dự án cao ốc 376 ĐBP	5,510,000,000	-
Các khoản phải trả khác	361,111,446	440,028,746
Các khoản phải trả khác của chi nhánh Phú Quốc	300,000	30,000
Cộng	33,536,303,485	35,648,253,327

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	96,903,786	96,903,786

27. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	95,699,000,000	75,751,364,523	7,355,344,111	10,349,548
Lợi nhuận tăng do cổ tức chưa chia hết trong năm 2008	-	-	-	380,661,250
Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	37,090,212,069
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	14,991,949,074	1,850,857,910	(21,284,865,969)
Chia tạm ứng cổ tức năm 2009	-	-	-	(9,569,900,000)
Lập quỹ hoạt động của HĐQT và BKS	-	-	-	(925,428,955)
Điều chỉnh giảm theo NQ Đại hội đồng CD	-	(527,312,945)	-	-
Số cuối năm trước	95,699,000,000	90,216,000,652	9,206,202,021	5,701,027,943
Số đầu năm nay	95,699,000,000	90,216,000,652	9,206,202,021	5,701,027,943
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	20,145,373,025
Chia cổ tức năm 2009 (đợt 2)	-	-	-	(4,784,950,000)
Số cuối kỳ	95,699,000,000	90,216,000,652	9,206,202,021	21,061,450,968

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66,990,000,000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28,709,000,000	30%
Cộng	95,699,000,000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9,569,900	9,569,900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	9,569,900	9,569,900
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	9,569,900	9,569,900
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

28. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm - trường hợp Lê Nguyễn Vũ	1,317,737,655	1,317,737,655

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Tổng doanh thu	166,169,075,102	129,615,789,024
- Doanh thu bán hàng hóa	154,377,648,628	120,238,306,463
- Doanh thu bán thành phẩm	1,949,566,302	2,663,686,933
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	91,265,457	324,606,139
- Doanh thu khác	16,363,637	-
- Doanh thu bán hàng (CN Phú Quốc)	6,908,640,692	5,953,584,770
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Hà Nội)	2,049,666,886	435,604,719
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Cần Thơ)	775,923,500	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	557,298,723	778,773,703
- Hàng bán bị trả lại	557,298,723	778,773,703
Doanh thu thuần	165,611,776,379	128,837,015,321

2. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Giá vốn thành phẩm xuất bán (VP Cty)	987,264,822	915,358,953
Giá vốn của hàng hóa xuất bán (VP Cty)	152,714,722,772	112,288,788,069
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Phú Quốc)	5,212,129,863	4,429,710,306
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Hà Nội)	1,850,801,337	326,827,608
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Cần Thơ)	698,585,665	-
Cộng	161,463,504,459	117,960,684,936

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2010	6 tháng đầu năm 2009
Lãi tiền gửi	226,494,638	989,410,079
Lãi đầu tư cổ phiếu	48,666,200	3,717,687,000
Lợi nhuận được chia	10,000,000,000	2,500,000,000
Cổ tức	44,512,500	836,682,960
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22,818,394	26,627,756
Thu được từ bán cổ phiếu Cty SG Sân bay	11,721,500,000	-
Cộng	22,063,991,732	8,070,407,795

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

4. Chi phí tài chính

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
Chi phí lãi vay	1,227,801,803	49,869,531
Lỗ do bán chứng khoán	-	36,200,000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,417,857,883	399,493,557
Giá vốn từ việc bán cổ phiếu Cty SG Sân bay	9,948,500,000	-
Chi phí khác	1,623,000	20,812,575
Cộng	<u>12,595,782,686</u>	<u>506,375,663</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
Chi phí cho nhân viên	2,216,111,473	1,939,361,213
Chi phí công cụ, dụng cụ	5,174,250	11,937,648
Chi phí dụng cụ bán hàng	54,350,896	42,470,380
Chi phí khấu hao tài sản cố định	305,657,399	325,559,020
Chi phí bảo hành	32,322,964	11,052,045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,741,866,597	1,555,691,811
Chi phí khác	1,571,831,007	997,292,251
Cộng	<u>5,927,314,586</u>	<u>4,883,364,368</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
Chi phí cho nhân viên	2,268,011,192	1,976,183,578
Chi phí vật liệu quản lý	52,783,459	45,295,146
Chi phí đồ dùng văn phòng	77,820,394	155,529,700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	500,219,492	465,424,548
Thuế, phí và lệ phí	50,252,998	44,698,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	458,604,064	833,758,677
Chi phí khác	1,023,882,798	890,663,802
Cộng	<u>4,431,574,397</u>	<u>4,411,553,451</u>

7. Thu nhập khác

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
Thu khác	12,809,378	4,397,665
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	5,199,051,545	2,475,734,582
Thu được do đền bù giải phóng mặt bằng	15,000,000,000	-
Thu được do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	200,000,000	-
Thu hỗ trợ khác	-	14,379,750
Cộng	<u>20,411,860,923</u>	<u>2,494,511,997</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

8. Chi phí khác

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	138,134,827	-
Nộp phạt thuế	17,951,159	8,671,145
Chi phí khác	1,040,387	1,346,288
Cộng	157,126,373	10,017,433

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20,145,373,025	10,165,494,409
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20,145,373,025	10,165,494,409
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9,569,900	9,569,900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,105	1,062

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9,569,900	9,569,900
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9,569,900	9,569,900

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc và Thành viên Hội đồng Quản trị như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
Tiền lương	566,540,000	465,065,154
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	7,211,760	3,929,868
Tiền thưởng	542,080,000	150,740,000
Thù lao Hội đồng quản trị	558,000,000	180,000,000
Cộng	1,673,831,760	799,735,022

2. Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2010</u>	<u>6 tháng đầu năm 2009</u>
Công ty Điện tử Samsung Vina		
Mua hàng	164,649,643,696	112,726,260,176
Bán hàng (tiền sửa chữa & linh kiện)	382,793,748	855,949,474
Lợi nhuận được hưởng	10,000,000,000	2,500,000,000
Thu hỗ trợ	4,935,098,825	2,475,734,582

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, công nợ với Samsung Vina như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Điện tử Samsung Vina		
Tiền hàng	70,768,120	67,010,549
Lợi nhuận phải thu	32,000,000,000	22,000,000,000
Cộng nợ phải thu	32,070,768,120	22,067,010,549
Công ty Điện tử Samsung Vina		
Phải trả tiền mua hàng	12,719,025,847	15,542,538,272
Cộng nợ phải trả	12,719,025,847	15,542,538,272

Thay đổi chính sách kế toán

Theo thông tư số 244/2009/BTC-TT ngày 31/12/2009 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp. Việc áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính Quý I.

Điều chỉnh số liệu so sánh của năm trước như sau:

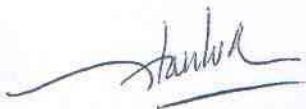
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	<i>Mã số</i>	<i>Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước</i>	<i>Số liệu điều chỉnh lại</i>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	4,524,755,015
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	4,524,755,015	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2010

Tổng giám đốc



Hà Hạnh Hoa

Phạm Thúy Oanh

Huỳnh Thị Dung